

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 07/02/2018.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đến;

2. Bà Nguyễn Thị Hiểu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Thái Kim Phương** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:*
Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST – HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị P**, sinh năm 1973 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Vũ H**, sinh năm 1973 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị P trình bày: Vào ngày 16 tháng 4 năm 2001 chị P và anh Nguyễn Vũ H có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Chị P và anh H chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, do

anh, chị thường xuyên cãi nhau nên đã ly thân khoảng 01 năm. Nay chị P yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Vũ H.

Về con chung: Giữa chị P và anh H có hai người con chung là cháu Nguyễn Vũ K, sinh ngày 01/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 02/6/2005 hiện tại hai cháu đang sống chung với chị P. Nay chị P yêu cầu xin nuôi cháu N, cháu K và không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi.

Về phần tài sản chung: Chị P xác định chị và anh H tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị P không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2018 cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Vũ H trình bày: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân và con chung cũng như là về phần tài sản. Bên cạnh đó anh H có ý kiến đồng ý ly hôn với chị P còn về con chung anh cũng đồng ý để cho chị P nuôi con và anh H không phải cấp dưỡng, về tài sản chung anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án của kiểm sát viên:

- **Về hôn nhân:** Không công nhận chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Vũ H là vợ chồng.

- **Về nuôi con chung:** Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Bùi Thị P, tiếp tục giao cháu Nguyễn Vũ K, sinh ngày 01/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 02/6/2005 cho chị Bùi Thị P chăm sóc, giáo dục. Anh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Chị P không có yêu cầu cấp dưỡng nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Chị P và anh H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặc ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và bị đơn anh Nguyễn Vũ H cư trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị P:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị P yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Vũ H, Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị P và anh H thừa nhận anh, chị sống chung với nhau từ năm 2001 trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay chị P xin ly hôn với anh H thì anh H cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị P và anh H là vợ chồng.

- **Về nuôi con chung:** Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Vũ H xác định giữa anh, chị có với nhau 02 đứa con chung là cháu Nguyễn Vũ K, sinh ngày 01/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 02/6/2005 hiện tại cháu K và cháu N đang sống chung với chị P. Nay chị P xin nuôi hai cháu và không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H cũng đồng ý với ý kiến của chị P. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 17 tháng 01 năm 2018 của cháu N và cháu K thì hai cháu có nguyện được sống chung với chị P. Từ đó, Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần ghi nhận sự tự thỏa thuận nuôi con giữa chị P và anh H cũng như ghi nhận ý chí tự nguyện của cháu N và cháu K. Tiếp tục giao cháu N và cháu K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, do chị P không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về chia tài sản chung:** Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Vũ H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử, xét thấy: Việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Về án phí xét xử sơ thẩm Hôn nhân và gia đình:

- Án phí không có giá ngạch: Buộc chị Bùi Thị P nộp theo quy định pháp luật.
- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Vũ H là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

- Tiếp tục giao cháu Nguyễn Vũ K, sinh ngày 01/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 02/6/2005 cho chị Bùi Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Do chị Bùi Thị P không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Vũ H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị P phải nộp 300.000 đồng. Do chị P đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005562, ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay được chuyển thu án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CC THADS huyện Hồng Dân ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Bình